3.2. Dung hợp các phong cách ngôn ngữ

Văn học nói chung và thơ ca nói riêng là nghệ thuật ngôn từ bởi ngôn từ giữ một vị trí đặc biệt trong thơ ca. Nó là phương tiện, là chất liệu quan trọng không chỉ phản ánh sinh động hiện thực cuộc sống mà còn thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả với chiều sâu của sự suy nghĩ, tính chất mẫn cảm và tinh tế của sức sáng tạo, những trạng thái rung động của tâm hồn. Bàn về ngôn từ trong văn học, M.Goocki cho rằng: *“Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học”.* Ngôn ngữ trong tất cả tính chất thẩm mĩ của nó là chất liệu, là phương tiện biểu hiện mang tính đặc trưng của văn học. Không có ngôn từ thì không thể có tác phẩm văn học (phi ngôn ngữ bất thành văn). Trong sáng tạo nghệ thuật, nhà thơ phải biết lựa chọn ngôn từ phục vụ cho sự biểu đạt nội dung một cách hiệu quả đồng thời phải kết hợp, sắp xếp các kí hiệu ngôn ngữ trong một hệ thống cấu trúc hợp lí nhất để đem đến hiệu quả nghệ thuật cao nhất.

Một khi quan niệm “từ trong bản chất, lời nói mang tính đối thoại”, “giao tiếp đối thoại chính là môi trường đích thực của đời sống ngôn ngữ” (M.M. Bakhtin) [**liên văn bản, liên chủ thể, G.K Kosikov**] thì tại văn bản – nơi mạng lưới của nhiều sự “trích dẫn” trở thành môi trường đối thoại của cái cũ – cái mới, cái nghiêm cẩn – trò chơi, giữa những cái trang nhã, hàm súc với sự bồ bã, đời thường…Trong tâm thức nối dài kí ức cộng đồng, sự có mặt của ngôn ngữ mang âm hưởng dân gian đôi lúc được dẫn trong những câu thơ rất hiện đại và khi phản ánh cuộc sống bằng thơ, chất đời thường cũng vướng vào những ngôn từ “thi ca” làm nên sự dung hợp ngôn ngữ mang tính liên văn bản rất đậm nét trong thơ Nguyễn Bình Phương.

***3.2.1. Sự xâm lấn của ngôn ngữ đời thường***

Các nhà thơ hiện đại/ hậu hiện đại quan niệmthế giới là một văn bản lớn với vô vàn văn bản nhỏ hơn chồng chéo. Những văn bản chung quy đều được kiến tạo từ ngôn ngữ và không có gì ngoài ngôn ngữ (theo Jacques Derrida: “không có gì ngoài văn bản”). Ngôn ngữ là siêu kí hiệu để con người nhận thức thế giới nội tại, thế giới khách quan và với ngôn ngữ, con người bước vào trò chơi của sự dò tìm, xác lập thế giới. Bởi thế, trên mạng lưới văn bản mà thế giới được phản ánh trong đó với nhiều chiều kích, nhiều góc độ sẽ chẳng còn tính riêng nhất của yếu tố cao sang, mĩ miều như văn học một thời vẫn đề cao đặc tính thi ca của ngôn ngữ. Ranh giới giữa văn hóa tinh hoa và văn hóa đại chúng đã bị phá bỏ sự chia cắt, phân thứ bậc. Vì thế, mọi thứ ngôn ngữ được các nhà thơ xử sự trong văn bản một cách công bằng, sòng phẳng chỉ cốt sao phản ánh được đúng nhất hiện thực cuộc sống và thế giới nội tâm phức tạp của con người.

Các nhà thơ hiện đại/ hậu hiện đại khi làm mới văn học đã không ngừng xử lí ngôn ngữ như một phương diện đặc biệt của vỏ tư duy để truyền tải được “bộ mặt” nguyên trạng trần trụi của cuộc sống. Theo đó, mọi sự hiện hữu trong cuộc sống tất sẽ có mặt một cách tự nhiên nhất trong thơ. Bởi thơ giờ đây không phải là món quà trang trí cho vua chúa nhằm ca ngợi hiện thực lí tưởng, cái cao khiết, thanh sạch của lòng người như nó từng gánh vác suốt lịch sử bị quy ước. Nhà thơ hiện đại đã quyết đẩy thơ và nhà thơ vào giữa lòng đời để những mảng màu tối – sáng của cuộc sống được trình hiện đúng nghĩa nhất. Cũng ở văn bản – nơi ngôn ngữ hoạt động với sự năng động, linh hoạt, tự do của nó thì cuộc thâm nhập, mổ xẻ thế giới bên trong con người với tất cả “thiên thần – ác quỷ” được lộ diện. Và khi đọc thơ, người đọc không chỉ nắm bắt cái đẹp, cái thi vị của cuộc đời mà còn thấy mình giữa cuộc đời. Với quan niệm đó, thơ hiện đại đã rút ngắn khoảng cách của nghệ thuật và cuộc sống, thơ là hơi thở của cuộc sống phả vào và là nơi cuộc sống được trình hiện bản mặt đủ đầy của nó.

Cuộc đời bề bộn – cuộc đời “nhộn” đã khiến những trang thơ Nguyễn Bình Phương không chịu bằng phẳng, êm mượt và vì thế ngôn từ cũng mang tính chất đời thường khá đậm nét. Cái độc đáo cũng là cái cõi lạ trong thơ ông chính là ở chỗ nhà thơ khi tái hiện hiện thực đã luôn nhìn nó, quan sát và tái hiện bằng những gì vốn có nhất. Mà một trong những từ ngữ mang lại hiệu quả diễn đạt cao giúp truyền tải được âm điệu cuộc sống và biến động của lòng người không thể không kể đến là từ láy. Đó là thứ từ láy độc, lạ mang sắc thái bình dân được tác giả vận dụng như một sự tự động của vô thức khi phản ánh hiện thực: *rục rịch, rườm rượp, quầng quã*, *ời ợi, eo óc, trú trớ, lảy bảy, gật gà, lênh loang, rơn rớt, búa xua, ngun ngún, xệch xoạc, sằng sặc, dặt dẹo, váng vất….* Chỉ riêng ở việc dùng từ láy, người đọc không khỏi bị tác động mạnh bởi sức ám gợi mà nó mang lại. Mọi ngổn ngang không cần che đậy và sự phong kín bằng những ngôn từ mĩ miều, trang nhã đã không thể hoàn thành nhiệm vụ “biên tập lại” cuộc sống. Hiện thực ấy có thể là thiên nhiên nhưng không mang vẻ đẹp của sự thanh trong, cao nhã với kiểu tương giao, tương thích giữa con người – vũ trụ mà thơ cổ điển vẫn thường ngợi ca; cũng không phải là vườn xuân ý, chốn Bồng lai tiên cảnh mà Thơ Mới mãi ngưỡng vọng. Bằng ngôn ngữ đời thường, các nhà thơ đương đại, trong đó có Nguyễn Bình Phương đã phục dựng bức tranh cuộc sống trong thơ với những đường nét, hình ảnh, góc cạnh và cả mạch ngầm dưới bề mặt của nó: “*Điếu thuốc lập lòe con mắt thú rừng ơi/ Sao tán cọ tơ non rười rượi thế”* (***Ở Định Hóa);*** “*Làng bao nhiêu gò đất/ Dáng nhà nằm thiếp dưới hơi trăng/ Điều gì kia/ Trú trớ/ Rùng mình* **(*Làng Phan***); *Ngửa mặt nhìn ngôi sao chết trắng/ Mùi cây khô/ Váng vất/ Cồn cào* (***Biền biệt***); *Những quả đồi lơ mơ tối/ Lơ mơ vạt cỏ gianh”* (***Ngày đông***); “*Tôi chạm tới một buổi chiều nghệch ngoạc/ Bập bềnh trôi bên cạnh những dấu trừ/ Một cái gì tròn vo như lạc thú/ Lim dim chờ cú sút/ Bay thẳng vào khung thành mù sương” (****Chơi với con***); “*Chân trời mở toang hoang/ Sặc mùi rêu ẩm mốc…”* (***Thái Nguyên***). Hiện thực được tái hiện không phải là hiện thực mang đầy tính mĩ cảm, lóng lánh nghệ thuật thi vị hóa mà là hiện thực nhạt nhòa, khi bức bối khi ấm ách với những cựa quậy không ngừng vừa xơ xác, phân rã vừa như xé toang, vỡ vụn. Do đó bằng ngôn từ, tác giả đã kích sự thức tỉnh giác quan, suy tưởng của người đọc và làm thay đổi quan niệm thẩm mĩ, bản chất cái đẹp của thơ trước hết là cái thật của cuộc sống (dẫu có trần trụi) và nhà thơ là người không phải chắt lọc cái đẹp trên nền hiện thực mà trình diện hiện thực để người đọc được chiêm nghiệm, thẩm định nó.

Không nhân danh nhà thơ, tác giả chỉ là người ẩn mặt trong tư cách đời thường, đứng giữa cuộc đời và gom nhặt những bụi bặm của cuộc sống vào thơ. Có thể thấy trong dòng cảm xúc chất chứa nhiều dồn nén, Nguyễn Bình Phương đã rất táo bạo khi vận dụng những ngôn ngữ suồng sã thậm chí rất dụng tục đời thường để nói về những gì đang hiện hữu: *đần độn, tục tằn, bệ rạc, dâm đãng, loạn xạ, làm tình, búa xua.* Đó là thứ ngôn ngữ bình dân của những cư dân vùng châu thổ với lối sống rất đỗi “bông phèn” ngạo đời, ngạo mình trong những nỗi buồn vui nhân thế: “*Họ nằm chếch trên đê ngắm sông Hồng trôi tuồn tuột sang chiều, miệng nhẩm nhẳng một cọng cỏ may, vòm họng họ ngọt, nhưng đắng ngắt nếu anh chạm vào họ./ Họ nhổ nước bọt lên buồn đau, họ di chân vào hy vọng, họ ăn nhẩn nha nói nhẩn nha làm tình thì hối hả vì họ biết không ở đây được mãi”* ***(Những cư dân vùng châu thổ sông Hồng)***. Hay đó còn là những bồ bã, dung tục của cuộc sống lắm nỗi nhiêu khê mà con người Thái Nguyên – quê hương tác giả cứ mãi dấn thân. Với Nguyễn Bình Phương, thị xã với cái nhìn bề ngoài “nón lá trong veo” đang dần biến chất, thay vào đó là sự sục sạo, quầng quã, cằn cỗi của con người trong bồn bề mưu sinh: “*Qua bức tường đổ hàng xóm chửi nhau/ Mồ mả cha ông cày xới/ Con Thà Khèo ngồi bậu cửa phì phèo thuốc hút/ Nhẩn nha đếm kiến qua sân/ Con đỏ con đen một dòng trộn lẫn/ Trai Thái Nguyên tay cánh đại bàng/ Mắt diều hâu/ Tính cục cằn khí núi”* ***(Thái Nguyên).***

Trong khi tái hiện hiện thực bên ngoài, Nguyễn Bình Phương đã không ngừng tìm kiếm và vận dụng ngôn ngữ trong việc tái hiện hiện thực thứ hai – hiện thực huyền nhiệm của thế giới tâm hồn con người. Những ẩn ức tinh thần, những ham muốn đời thường, những giấc mơ điên loạn, những dục tính và khát vọng thành thật của bản thể được tái hiện bằng những ngôn từ “đời thường” nhất. Đặc biệt, là những hành vi ứng xử, sinh hoạt của con người mang tính chất tự nhiên, dung tục mà lại rất “đời” ấy hiện lên một cách sinh động, trần trụi trong thơ: *“Thị xã/ Khởi là em/ Anh nhìn thấy em đứng giữa sân trường và anh không đùa được/ Anh chỉ dửng dưng thôi, anh chẳng buồn/ Lúc nào chán học chán bạn trai anh lại qua nhà em/ Nhổ một bãi nước bọt/ Càu nhàu dăm ba câu vô nghĩa”* (***Thái Nguyên***); cả nỗi đau cũng có hình hài với những ngón tay run, những nhàu nhĩ vò nát của tâm hồn đổ vỡ, con người hiện đại tránh sao những lúc mang tâm trạng đó khi tình yêu thời buổi thị trường “Đã bị lừa dối/ Bị chia sẻ”: *Những ngón tay run bấu vào cốc rượu/ Những ngón tay kín đáo vò nhàu tờ giấy kẻ ô/ Bức thư tình người thứ ba đã viết/ Tình yêu của tôi/Lòng tin cuồng nhiệt của tôi”.* Và còn hằng hà vô số những cảm giác, những phản ứng tâm lí trong cuộc đời đầy phi lí mà con người đã phải gánh lấy. Để tái hiện điều này, thơ không thể êm mượt trong ngôn từ, giọng điệu mà chồng chất, đan xen những nỗi niềm. Nhà thơ từng cất lời ***Gửi những khổ sở****,*  chất chứa trong đó là phản ứng bức bối, ngao ngán, chán chường trước những trái ngoe của sự “lưu đày tự do”: “*Một cái chức nhỏ nhẹ/ Một cái chức lăn như cỏ lông chông/ Mơ đeo vào tay xòe ra giữa nắng/ Mơ đeo vào gót chân mỗi bước khua vang rổn rảng/ Một cái chức liu riu ánh vàng/ La lẩn giữa hỗn hoang làm thức dậy bao nhiêu thấp thỏm” (****Gửi những khổ sở****).* Bởi thế*,* đứng trước những ngày mưa, tâm hồn nào được dịu mát để tìm thấy chốn bình yên*.* Đó là những ngày dài “tạt nhạt” và con người chỉ thấy “*Những mộng mơ quầng quã trong nhà/ Thi thoảng ngó chiều qua tạt nhạt”; “Một người ủ dột nữa cúi đầu/ Nhìn lênh loang cõi lòng tạo hóa”.* Cái nhìn vào cõi lòng tạo hóa có lúc nào thấy lòng thênh thang, con người hiện đại chằng chịt trong nỗi buồn, lo âu, mang những dự cảm về thế giới nhợt nhạt, đang buông rơi. Vì lẽ đó ngôn ngữ thơ có thể nào bóng bẩy mượt mà, đó là kiểu ngôn ngữ góc cạnh, tự nhiên như tâm trạng đang có dù có đôi phần bề bộn.

Sự dung hợp của nhiều kiểu ngôn ngữ trong thơ đã thể hiện tâm thức hậu hiện đại của Nguyễn Bình Phương khi mọi sự quy chuẩn đều được “giải thiêng” cũng như thể hiện cái nhìn dân chủ của nhà thơ trước cuộc đời. Bên cạnh những ngôn từ được chọn lọc kĩ càng với sự uyển chuyển, mượt mà, đậm chất “thi ca”, nhà thơ vận dụng khá dày đặc các từ ngữ thuộc văn hóa bình dân, đại chúng – ngôn ngữ đời thường. Khi “tiểu tự sự” được đề cao trong văn học, cái trung tâm bị giải cấu trúc thì sự di chuyển của cái ngoại biên vào tâm điểm của sự phản ánh đã cho thấy sự có mặt của mọi thứ ngôn ngữ trong thơ. Bản chất của văn học (của thơ) là cuộc sống và chỉ có thể dùng ngôn ngữ đời sống, tác giả mới chuyển tải được hết những gì đang hiện hữu ngoài cuộc đời kia. Nguyễn Bình Phương đã mang cả “khối hiện thực” còn ấm nóng trình hiện nơi văn bản để mọi thứ được soi chiếu, đối thoại và điều đó đã chứng minh một điều liên văn bản không chỉ là sự tương tác, đối thoại của văn bản trong cả hệ thống diễn ngôn xã hội mà còn là sự dung hợp của các phong cách ngôn ngữ trong các lớp văn bản nội tại. Dẫu có hỗn dung, đa sắc thái, nhưng như một thứ vỏ tư duy chuyển tải tư tưởng con người, thứ ngôn ngữ đó đã phản ảnh chân thực nhất đời sống tinh thần của con người thời hiện đại. Với việc vận dụng ngôn ngữ đời thường, Nguyễn Bình Phương đã có sự “trích dẫn” bức tranh cuộc sống, thế giới tâm hồn con người một cách tự nhiên, sinh động và trên hết là sự “gợi dẫn” mọi đối tượng người đọc cùng đọc thơ để góp thêm những văn bản mới với cách cảm nhận của riêng mình.

*3.2.2. Tích hợp ngôn ngữ mang âm hưởng dân gian*